

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 13344/TTr-STNMT-VP ngày 12 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 53 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (thủ tục hành chính nội bộ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Lưu: VT, KSTT/Tr.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường		
1.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
3.	Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc	Đo đạc bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
4.	Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
5.	Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường
6.	Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
8.	Thủ tục lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
9.	Thủ tục điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.	Thủ tục phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11.	Thủ tục điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
12.	Thủ tục phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
13.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
14.	Thủ tục điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
15.	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
16.	Thủ tục lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
17.	Thủ tục lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
18.	Thủ tục phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
19.	Thủ tục phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
20.	Thủ tục lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
21.	Thủ tục điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
22.	Thủ tục xây dựng các chương trình nghiên	Tài nguyên	Sở Tài nguyên và

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra	nước	Môi trường
23.	Thủ tục xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
24.	Thủ tục lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
25.	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác	Địa chất và Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
26.	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương	Địa chất và Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
27.	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Địa chất và Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
28.	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
29.	Lập, quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo	Biển và Hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường
30.	Lập, điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển	Biển và Hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường
31.	Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Biển và Hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường
32.	Cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo để xây dựng CSDL của	Biển và Hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	Bộ, ngành, địa phương		
33.	Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
34.	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
35.	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn Thành phố	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
36.	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
37.	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
38.	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
39.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ địa chính viên hạng IV lên địa chính viên hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
40.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ địa chính viên hạng III lên địa chính viên hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố
41.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV lên Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
42.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III lên Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố
43.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV lên Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
44.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III lên Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
45.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV lên Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
46.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III lên Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
47.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV lên Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
48.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III lên Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
49.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng IV lên Đo đạc bản đồ viên hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
50.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III lên Đo đạc bản đồ viên hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Tài nguyên và Môi trường
B	Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện		
1.	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung	Môi trường	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
2.	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã	Môi trường	UBND cấp huyện
C	Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ		
1.	Thủ tục xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền.	Biển và hải đảo	UBND huyện Cần Giờ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định; đối với các địa phương không có tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện như đối với nội dung lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện quy định tại Điều 20 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch sử dụng đất;
- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 50 (Năm mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện của Ủy ban nhân dân Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở, ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp và gửi thông báo kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ;

- Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được hoàn thiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 hằng năm;

- Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện. Việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được thực hiện như việc lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện quy định tại Điều 21 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về kế hoạch sử dụng đất;

- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 25 (Hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu trình

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

3. Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ yêu cầu di dời mốc đo đạc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến bộ phận Văn thư của Sở Tài nguyên và Môi trường (trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời). Bộ phận Văn thư tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cần di dời.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản chấp thuận cho di dời mốc đo đạc (đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố) hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố gửi văn bản tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để xin ý kiến giải quyết (đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật – dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt (đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố); Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố thì gửi thiết kế kỹ thuật – dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán di dời mốc đo đạc.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí của cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính theo địa chỉ: Sở Tài nguyên và Môi trường, số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần hồ sơ: Văn bản của cơ quan, tổ chức về việc yêu cầu di dời (Bản chính, trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời).

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí của cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được giao làm chủ đầu tư dự án.

e) Cơ quan giải quyết hồ sơ hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kết quả di dời mốc đo đạc.

h) Phí lệ phí (nếu có): Theo thiết kế kỹ thuật – dự toán được phê duyệt.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

4. Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Trong vòng 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tiếp nhận, kiểm tra danh mục, số lượng, chất lượng và tính pháp lý của thông tin, dữ liệu, sản phẩm được bàn giao và lập biên bản giao nhận theo mẫu quy định.

- Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lưu trữ và khai thác theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện giao, nộp trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức về việc giao nộp sản phẩm.

- Thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc bản đồ được bàn giao.

- Biên bản giao nhận thông tin, dữ liệu và sản phẩm.

d) Thời gian thực hiện: 01 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được giao làm chủ đầu tư dự án.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Danh mục và sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành được giao nộp và đưa vào lưu trữ, khai thác theo quy định.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Mẫu biên bản theo Mẫu số 06 Phụ lục I tại Nghị định Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

5. Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Trình tự thực hiện:

- Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tiêu hủy.

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình kèm theo thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tiêu hủy.

- Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy hồ sơ hết giá trị sử dụng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành:

+ Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

+ Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc tiêu hủy hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện giao, nộp trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản về danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tiêu hủy.

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị phê duyệt thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về việc chấp thuận về việc tiêu hủy hồ sơ hết giá trị sử dụng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 về ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và Môi trường.

6. Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành.

- Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các Phòng, Ban, Đơn vị thuộc Sở; Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước, Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt/điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8. Thủ tục lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

9. Thủ tục điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Thủ tục phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

- Bước 4: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Thủ tục điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu điều chỉnh trên các sông, suối nội tỉnh theo định kỳ (05 năm) hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt quyết định điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Thủ tục phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân và hiện trạng sử dụng đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình (trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Bước 4: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian trình, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: 42 ngày (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

13. Thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn Thành phố về dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp

khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Thủ tục điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố (nếu có) theo định kỳ (05 năm) hoặc trong trường hợp cần thiết.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn Thành phố về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh hoặc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh làm thay đổi cơ bản về định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

- Có biến động lớn về nguồn nước dưới đất trên địa bàn Thành phố do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, nhân tạo.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 8: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, điều chỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức

thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt, điều chỉnh;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Báo cáo thuyết minh kết quả khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Báo cáo thuyết minh phải luận chứng, thuyết minh rõ về căn cứ để khoan định, phạm vi khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện:

- Thời gian các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ý kiến: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

- Thời gian Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến: không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt/điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

16. Thủ tục lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi Thành phố.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bảng tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

17. Thủ tục lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức lưu vực sông, và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

18. Thủ tục phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối theo ý kiến góp ý và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

19. Thủ tục phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

20. Thủ tục lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ trình.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân Thành phố trước khi phê duyệt.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn Thành phố; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

- d) Thời gian thực hiện: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Tài nguyên nước năm 2023;
 - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

21. Thủ tục điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.

Riêng đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân Thành phố trước khi phê duyệt.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (đối với trường hợp điều chỉnh bổ sung vào danh mục) hoặc Báo

cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục);

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
 - Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;
 - Các tài liệu khác liên quan.
- d) Thời gian thực hiện: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:
- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
 - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

22. Thủ tục xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ (01 bộ):

- Tờ trình phê duyệt Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bảng tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023.

23. Thủ tục xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về Kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: (01 bộ)

- Tờ trình phê duyệt Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bảng tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023.

24. Thủ tục lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước trên địa bàn Thành phố.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 14 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: (01 bộ)

- Tờ trình phê duyệt Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

- Dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

- Bảng tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch về việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Tài nguyên nước năm 2023.

25. Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ thực tế nguồn thu hàng năm từ hoạt động khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

26. Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương;

- Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

27. Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 158/2016/NĐ -CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Bản thuyết minh gồm các nội dung chính: Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoanh định; nguyên tắc, phương pháp khoanh định; kết quả khoanh định theo từng lĩnh vực và tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khớp góc theo hệ tọa độ VN -2000, trừ khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh. Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm trên nền địa hình hệ tọa độ VN -2000, tỷ lệ từ 1/200.000 - 1/100.000, bao gồm cả đới hành lang bảo vệ, an toàn cho khu vực đã khoanh định (nếu có). Đối với các khu vực phức tạp, thể hiện trên các bản vẽ chi tiết tỷ lệ từ 1/25.000 - 1/10.000 hoặc lớn hơn.

d) Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC: (1) Luật Khoáng sản năm 2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ -CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

28. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc)..

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Khoáng sản năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

29. Lập, quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

a) Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Lập và phê duyệt nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo

- Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị giúp Ủy ban nhân dân Thành phố lập hồ sơ tài nguyên hải đảo, có trách nhiệm lập nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Nội dung nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo gồm:

- + Tên nhiệm vụ;
- + Cơ sở pháp lý đề xuất nhiệm vụ;
- + Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ;
- + Mục tiêu của nhiệm vụ;
- + Phạm vi thực hiện (trong đó nêu rõ số lượng và tên của hải đảo cần lập hồ sơ);
- + Tổng quan hiện trạng các thông tin, dữ liệu đang có tại các bộ, ngành, địa phương về tài nguyên, môi trường của các hải đảo;
- + Các hoạt động của nhiệm vụ;
- + Sản phẩm của nhiệm vụ;
- + Khái toán kinh phí và nguồn vốn;
- + Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ: thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành;
- + Đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 2: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo sau khi được phê duyệt.

* Bước 3: Nghiệm thu nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo

Nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo được nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

* Bước 4: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo.

- Sau khi nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo được nghiệm thu, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ tài nguyên hải đảo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định.

- Việc thẩm định hồ sơ tài nguyên hải đảo phải được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập với cơ cấu gồm: 01 Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố, 01 Phó Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, 02 Ủy viên phản biện, 01 Ủy viên thư ký là cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường và các ủy viên khác là đại diện của các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Công

Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Sở Ngoại vụ (nếu có), đại diện Bộ chỉ huy Quân sự Thành phố, Công an Thành phố và một số chuyên gia, nhà khoa học.

- Nội dung thẩm định hồ sơ tài nguyên hải đảo gồm:

+ Căn cứ để lập hồ sơ tài nguyên hải đảo;

+ Nội dung, thành phần, thể thức trình bày của hồ sơ tài nguyên hải đảo;

+ Tính phù hợp, đúng đắn, trung thực và khoa học của các thông tin trong hồ sơ tài nguyên hải đảo và sự tuân thủ các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật có liên quan trong việc lập hồ sơ tài nguyên hải đảo;

+ Các nội dung liên quan khác.

- Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ tài nguyên hải đảo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

+ Tờ trình phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo;

+ Hồ sơ tài nguyên hải đảo sau khi đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

+ Biên bản họp Hội đồng thẩm định;

+ Bản giải trình, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ tài nguyên hải đảo;

+ Văn bản xác nhận của các Ủy viên phản biện và Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc đã bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ tài nguyên hải đảo theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

+ Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo.

+ Quyết định phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo;

- Hồ sơ tài nguyên hải đảo sau khi đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

- Biên bản họp Hội đồng thẩm định;

- Bản giải trình, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ tài nguyên hải đảo;

- Văn bản xác nhận của các Ủy viên phản biện và Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc đã bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ tài nguyên hải đảo theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hồ sơ tài nguyên hải đảo.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: có quy định (mẫu dự thảo Quyết định theo Mẫu số 06/QĐPD Thông tư số 18/2016/TT-BTNMT ngày 25/7/2016 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ tài nguyên hải đảo, hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015;

- Thông tư số 18/2016/TT-BTNMT ngày 25/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ tài nguyên hải đảo, hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo.

30. Lập, điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ lập, điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan quy định tại Điều 34 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ để hoàn thiện trước khi trình phê duyệt.

- Trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển;

- Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển kèm thảo báo cáo thuyết minh;

- Báo cáo nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển;

- Văn bản góp ý, bảng tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015.

- Nghị định số 40/2016/NĐ ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

31. Thủ tục ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo Quyết định ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình;

+ Dự thảo Quyết định ban hành thu tiền sử dụng khu vực biển.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục Thuế, Cơ quan Kho bạc nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

32. Cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo để xây dựng CSDL của Bộ, ngành, địa phương

a) Trình tự thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ở địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ: Văn bản cung cấp của các đơn vị liên quan.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Các sở, ban ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

33. Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

- a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
- b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).
- d) Thời gian thực hiện: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn Thành phố.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của TTHC:
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

34. Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

35. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn Thành phố

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

36. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

37. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch

a) Trình tự thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn Thành phố đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn Thành phố đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

38. Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng Quyết định trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn Thành phố.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường được quy định như sau:

a) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ của phân vùng môi trường đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật;

b) Dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải phải thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản 4 điều 23 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản 4 điều 23 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ phải thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (thông qua Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có)

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định ban hành lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

-Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

-Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

39. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Địa chính viên hạng IV lên Địa chính viên hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

40. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Địa chính viên hạng III lên Địa chính viên hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Địa chính viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh địa chính viên hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh địa chính viên hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

41. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV lên Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra viên tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

42. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III lên Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra viên tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

43. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV lên Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

44. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III lên Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

45. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV lên Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

46. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III lên Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

47. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV lên Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

48. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III lên Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

49. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Đo đạc bản đồ viên hạng IV lên Đo đạc bản đồ viên hạng III

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng IV.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

50. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Đo đạc bản đồ viên hạng III lên Đo đạc bản đồ viên hạng II

a) Trình tự thực hiện: Chưa quy định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: (Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC)

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 Đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 Đồng/thí sinh/lần

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Chưa quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV, sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc); trường hợp có thời gian tương đương với chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III ít nhất 01 năm tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Đo đạc bản đồ viên hạng III không liên tục thì được cộng dồn).

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung

a) Trình tự thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với các Phòng, đơn vị liên quan Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã

a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. (khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

b) Cách thức thực hiện: Trục tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm, Hồ sơ và các công văn liên quan (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề cấp xã trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

1. Xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ thực hiện:

- Bước 1. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ văn bản lấy ý kiến các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

- Bước 2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).

- Bước 3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổng hợp các ý kiến của các Sở, ngành, các xã liên quan để thực hiện thẩm định Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ gửi các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quân đội, công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan về các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

- Biên bản kiểm tra thực địa giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện với các Sở, ngành, các xã liên quan.

- Dự thảo Báo cáo Tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian lấy ý kiến: Không quá 15 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cơ quan phối hợp: các Sở, ngành, các xã có liên quan.

g) Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến

i) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Biển Việt Nam năm 2012;

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.